

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 12/YDBMT ngày 16/01/2026 của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột về việc đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 68/TTr-SNNMT ngày 27/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, địa chỉ tại 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

1.2. Địa điểm hoạt động: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy phép số 318/BYT-GPHĐ ngày 22 /9/2022 của Bộ Y tế cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

1.4. Mã số thuế: 6001444432 – 001.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 21.300 m².

- Công suất: 362 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép và thay thế Giấy phép môi trường số 024/GPMT-UBND ngày 21/08/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Tân An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
(Đ/c: 298 Hà Huy Tập, P.Tân An);
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, nhà tắm, căn tin...
- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ quá trình khử trùng thiết bị y tế, xét nghiệm y khoa.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các quá trình còn lại (giặt ủi, rửa dụng cụ y tế...).
- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ máy hấp tiệt trùng chất thải y tế lây nhiễm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa chung thuộc địa phận phường Tân An: Hồ thu nước mưa GT8 nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk, thuộc địa phận phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 0453433, Y = 1405695.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $540 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $22,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm, tự chảy.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện theo ống dẫn PVC D60mm (chiều dài 62 m) vào hố ga thu nước mưa (kích thước DxRxC: 1,4m x 1,4m x 1,7m). Nước thải từ hố ga tự chảy về hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện (cống bê tông cốt thép D600mm, dài 20m) sau đó về hố ga thu nước mưa (kích thước DxRxC: 1,4m x 1,4m x 1,7m). Cuối cùng nước thải từ hố ga theo độ dốc địa hình tự chảy vào cống thoát nước (bê tông cốt thép D800mm) đặt ngầm, dọc theo hàng rào của Trường Cao đẳng Bách Khoa Tây Nguyên (dài khoảng 190m) dẫn về Hệ thống thoát nước mưa chung thuộc địa phận phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk (hồ thu nước mưa GT8 nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	6 tháng/lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 40		
4	COD	mg/l	≤ 65		
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	$\leq 5,0$		
6	Tổng Nito	mg/l	≤ 20		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	$\leq 4,0$		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	$\leq 5,0$		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 3,0$		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	$\leq 3\ 000$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu tại các nhà vệ sinh tại bệnh viện được thu gom theo các đường ống (PVC D60mm, PVC D114mm, PVC D168mm) dẫn về bể tự hoại 03 ngăn sau đó tự chảy qua hố thu nước thải sinh hoạt (cạnh bể tự hoại). Nước thải từ hố thu này theo đường ống (PVC D168mm, PVC D200mm) chảy về 02 bể thu gom nước thải sinh hoạt của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt khác phát sinh từ quá trình rửa tay, nhà tắm, căng tin ... tại bệnh viện sau khi qua lọc rác được dẫn theo các đường ống (PVC D49mm, PVC D60mm, PVC D90mm, PVC D114mm) về hố thu nước thải sinh hoạt (cạnh bể tự hoại). Nước thải từ hố thu này theo đường ống (PVC D168mm, PVC D200mm) chảy về 02 bể thu gom nước thải sinh hoạt của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ quá trình khử trùng thiết bị, xét nghiệm y khoa sau khi qua lọc rác được dẫn theo các đường ống dẫn (PPR D114mm, PPR D168mm, PPR D90mm) chảy về 02 bể thu gom nước thải y tế của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các quá trình còn lại (vệ sinh dụng cụ y tế, giặt ủi ...) được dẫn qua lọc rác, theo các đường ống dẫn (PVC D49mm, PVC D60mm, PVC D90mm, PVC D114mm) chảy về 02 bể thu gom nước thải y tế của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ lò hấp tiệt trùng chất thải y tế lây nhiễm được thu gom bằng đường ống PPR D60mm dẫn về bể thu gom 2 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Số lượng: 04 bể, dung tích 32 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế: 540 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (gồm Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 và 02 sau bể thu gom (Bể thu gom nước thải 1 và bể thu gom 1-1) và Nước thải y tế từ nguồn số 03, 04 và 05 sau bể thu gom (Bể thu gom 2 và bể thu gom 2-2) → Bể chứa → Bể phản ứng Peroxone) → Bể điều hòa → Cụm bể xử lý gồm 02 modul có công nghệ xử lý tương tự nhau (gồm: Bể Anoxic → Bể sinh học MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian kết hợp khử trùng → Bồn lọc áp lực) → Hố ga thu gom của Bệnh viện (Nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A) → Hệ thống thoát nước của Bệnh viện → Hệ thống thoát nước mưa chung trên tuyến đường vào Trường Đại học Luật Hà Nội (Phân hiệu Đắc Lắc).

- Bệnh viện đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂O₂, O₃, men vi sinh, mật rỉ, chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại các bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: sự cố tại cụm xử lý sinh học, sự cố thiết bị; sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng bể sự cố bên cạnh hệ thống xử lý nước thải (Thể tích 500 m³; kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm theo quy định). Khi hệ thống xử lý nước thải tại bệnh viện gặp sự cố, nước thải sau bồn lọc áp lực được bơm về bể sự cố để lưu chứa tạm thời; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong bể sự cố sẽ được bơm ngược trở về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí 01 nhân viên chuyên trách vận hành và theo dõi hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Đối với công trình xử lý nước thải công suất 270 m³/ngày đêm hiện hữu: Đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định và được cấp Giấy phép môi trường số 024/GPMT-UBND ngày 21/08/2025 của UBND tỉnh.

2.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 270 m³/ngày đêm đầu tư xây dựng mới: Kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: công trình xử lý nước thải công suất 270 m³/ngày đêm xây dựng mới.

- Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại vị trí bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm tại vị trí sau bồn lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi bởi điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 06/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải gồm lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Trường Đại học Y dược Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải (hoạt động của máy thổi khí, bơm nước thải).

- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm (hoạt động của máy nghiền chất thải y tế sau khi hấp tiệt trùng).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: X = 453360 ; Y = 1405932;

- Nguồn số 02: X = 453378 ; Y = 1405939;

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như sau:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Ngày (06h - trước 18h)	Tối (18h- trước 22h)	Đêm (22h- trước 06h)		
1	50	45	40	-	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống máy nghiền chất thải y tế nhằm đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí hành lang cây xanh cảnh quan, cây xanh bóng mát xung quanh các tuyến đường nội bộ của bệnh viện và quanh các khu vực có khả năng phát sinh tiếng ồn, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm			
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn	1.008
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	Rắn	66.789
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	Rắn	2.940
1.4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	Rắn	2.405
2	Chất thải nguy hại khác			
2.1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	1.250
2.2	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	Rắn	150
2.3	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic)	13 01 07	Rắn/lỏng	17
2.4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	34
2.5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/lỏng	10
2.6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	5
2.7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	16 01 13	Rắn	90
2.8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10

2.9	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Rắn/lỏng	1
2.10	Hộp chứa mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	5
2.11	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	Rắn/lỏng	600
Tổng cộng				75.134

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải thải thông thường có khả năng tái chế (giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc, chai nhựa, dây truyền, bơm tiêm, Chai, lọ thủy tinh thải bỏ không chứa thành phần nguy hại ...)	18.498
2	Chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế (thực phẩm thừa, bùn từ bể tự hoại,...)	314.371
Tổng cộng		332.869

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm: hộp kháng thùng màu vàng; túi nhựa màu vàng, thùng nhựa có nắp đậy màu vàng loại 20 lít, 240 lít; tủ đông dung tích 220 lít
- Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm: túi nhựa màu đen, thùng nhựa màu đen có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít; thùng nhựa HDPE loại 20 lít, 60 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải y tế nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải có tổng diện tích 162,12 m² chia làm các ngăn chứa riêng biệt, trong đó bố trí 03 ngăn để lưu chứa chất thải y tế và thiết bị tự xử lý chất thải lây nhiễm, cụ thể:

- + 01 ngăn lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm (diện tích 16,45 m²).
- + 01 ngăn lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm (diện tích 16,825 m²).
- + 01 ngăn để đặt thiết bị xử lý chất thải y tế lây nhiễm (diện tích 32,525 m²).

- Kết cấu nhà lưu chứa chất thải: Tường kín bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên CTNH. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa màu trắng có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít; thùng nhựa màu xanh có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít, 660 lít; bao bì mềm.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải có tổng diện tích 162,12 m² chia làm các ngăn chứa riêng biệt, trong đó:

+ Bố trí 01 khu lưu chứa chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế, tái sử dụng có diện tích 79,87 m². Kết cấu: mái che bằng tôn, vi kèo thép, xung quanh che tôn, bên ngoài có gắn biển báo theo quy định.

+ Bố trí 01 ngăn lưu chứa chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng có diện tích 16,45 m². Kết cấu: Tường kín bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn, bên ngoài có gắn biển báo theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Thực hiện quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường và chất thải nguy hại phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm)

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm

- Thiết bị hấp tiệt trùng chất thải lây nhiễm hiệu Matachana, model 1010ER-1, xuất xứ Tây Ban Nha, công suất 80 - 135 kg/mẻ.

- Máy nghiền 02 trục Green Mech, công suất 300 kg/giờ, xuất xứ Việt Nam. Dùng để nghiền rác thải sau khi hấp khử khuẩn.

3.1.1. Loại chất thải tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.

3.1.2. Khối lượng chất thải tự xử lý:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn	1.008
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	Rắn	66.789
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	Rắn	2.940
Tổng cộng				70.737

3.1.3. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

- Quy trình xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm (chất thải được bỏ vào túi hấp chịu nhiệt, xếp vào lồng hấp) → nạp vào khoang xử lý → xung chân không phân đoạn → gia nhiệt → khử trùng chất thải → sấy khô chất thải → chất thải sau xử lý được chuyển sang máy nghiền → nghiền nhỏ chất thải → thu gom, lưu chứa và xử lý cùng với chất thải rắn thông thường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của thiết bị xử lý chất thải y tế lây nhiễm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Khí thải có chứa mầm bệnh lây nhiễm được xử lý qua quá trình gia nhiệt và bộ lọc HEPA để tiêu diệt mầm bệnh trước khi thoát ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải y tế

- Bố trí khu vực đặt thiết bị xử lý chất thải có diện tích 32,525 m², kết cấu nền xi măng, tường gạch bao quanh, có mái che, cửa kín. Khu vực đặt thiết bị xử lý chất thải tách biệt với khu điều trị, khám chữa bệnh.

- Vận hành thường xuyên công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về giám sát, quan trắc môi trường.

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với thiết bị nghiền hấp diệt trùng chất thải lây nhiễm theo quy định tại Quy chuẩn 55:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khử khuẩn nhiệt chất thải y tế lây nhiễm.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm: Trường hợp thiết bị gặp sự cố không thể khắc phục ngay (từ 48h trở lên) thì Bệnh viện sẽ thực hiện hợp đồng chuyển giao chất thải lây nhiễm cho các

đơn vị có đủ chức năng để thu gom, xử lý theo quy định trong thời gian khắc phục sự cố. Không lưu chứa chất thải lây nhiễm quá 48h tại Bệnh viện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh. Nước thải phải được quản lý và khuyến khích tái sử dụng để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.